

Số: 299/BC-VHXH

Quảng Bình, ngày 07 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Giám sát chuyên đề “Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035”

Thực hiện Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 và Quyết định số 236/QĐ-VHXH ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035” (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND). Qua khảo sát, giám sát tại các địa phương, cơ quan, đơn vị¹, Ban Văn hóa - Xã hội báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo

Thực hiện Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để triển khai, giao nhiệm vụ cho các ngành, địa phương tổ chức thực hiện². Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ của mình cũng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh việc ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; tăng cường ứng dụng CNTT trong chỉ đạo điều hành và thực thi nhiệm vụ.

¹ Ban đã trực tiếp giám sát tại 5 đơn vị, gồm: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở KH - ĐT, Sở Tài chính, UBND thành phố Đồng Hới, UBND thị xã Ba Đồn; giám sát qua báo cáo 6 đơn vị.

² UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 về Phê duyệt quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035; Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2022 - 2030 tỉnh Quảng Bình”...

Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND được UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chú trọng và tích cực triển khai với nhiều nội dung và hình thức đa dạng, phong phú như: Tổ chức Hội nghị công bố, triển khai Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, đổi mới, đa dạng hóa các nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và Nhân dân trong toàn tỉnh về Quy hoạch và vai trò quan trọng của CNTT trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chỉ đạo Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống truyền thanh cấp huyện, thông tin cơ sở... tuyên truyền về Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND và các chương trình, kế hoạch, văn bản của địa phương về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; tuyên truyền, phổ biến các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin... Qua đó nhằm nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị và người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác quy hoạch phát triển CNTT.

Công tác phối hợp giữa Sở Thông tin và Truyền thông với các cơ quan, đơn vị, địa phương được triển khai chặt chẽ. Sở Thông tin và Truyền thông đã tích cực chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương công bố và tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh, đảm bảo sự đồng bộ, nhất quán của toàn hệ thống; tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm; tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực CNTT, thực hiện giám sát an toàn thông tin trên toàn hệ thống; đẩy mạnh hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ ứng dụng rộng rãi CNTT trong các cơ quan, tổ chức và xã hội...

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND

2.1. Tình hình triển khai thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đề ra tại Nghị quyết

Sau 5 năm (từ năm 2017-2022) triển khai thực hiện, các chỉ tiêu chủ yếu được đề ra tại nghị quyết đã được các cấp các ngành, địa phương tích cực triển khai, đến nay có 2 chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra, gồm: Trang TTĐT của UBND cấp xã được tích hợp kết nối trên Cổng TTĐT của tỉnh (chỉ tiêu đến năm 2025 là 80%, nhưng hiện nay đã đạt 81,8%); Dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 3, 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp (đối với các TTHC đủ điều

kiện) (chỉ tiêu đến năm 2025 là 50-70%, nhưng hiện nay đã đạt 81,8%). Có 4 chỉ tiêu đạt kế hoạch đề ra³ và có 8 chỉ tiêu dự kiến sẽ đạt theo kế hoạch đề ra.

2.2. Việc đầu tư xây dựng hạ tầng, triển khai ứng dụng, phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh và cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp

Hiện nay trên địa bàn tỉnh, hệ thống CNTT, thông tin dùng chung phục vụ công tác quản lý, tác nghiệp, điều hành, cải cách hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp được triển khai sâu rộng từ tỉnh đến cơ sở, gồm: Cổng thông tin điện tử, thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản điều hành, dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa liên thông điện tử, hệ thống giao ban trực tuyến... Đã triển khai ứng dụng CNTT theo các lĩnh vực ưu tiên phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế về: du lịch, y tế, giáo dục, xây dựng, đô thị, giao thông, quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường và nông nghiệp, phòng chống thiên tai. Quan tâm đầu tư hệ thống truyền thanh cơ sở, đài truyền thanh cấp xã, cụm loa thôn bản, tổ dân phố phục vụ công tác truyền thông các thông tin thiết yếu đến với người dân.

Hạ tầng CNTT trong các cơ quan nhà nước tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Toàn tỉnh có 7.194 máy tính (gồm 5.636 máy tính để bàn và 1.558 máy tính xách tay) và 116 máy chủ. 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và 98,7% UBND cấp xã đã thiết lập mạng LAN, kết nối Internet⁴. Các sở, ban, ngành, địa phương đang tiếp tục rà soát, cải thiện chất lượng hệ thống thiết bị công nghệ và kết nối Internet bảo đảm cho việc số hóa, ứng dụng các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, nhất là phục vụ Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh vận hành cơ bản ổn định phục vụ triển khai, quản trị, khai thác, ứng dụng 11 nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, đồng thời hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cài đặt, vận hành hệ thống, phần mềm chuyên ngành. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước đã sẵn sàng kết nối đến 151/151 xã, phường, thị trấn. Hệ thống hội nghị truyền hình chuyên dùng của tỉnh đã bảo đảm kết nối thông suốt từ Trung ương đến huyện, dự kiến hoàn thành mở rộng đến cấp xã vào cuối năm 2022.

³ Chỉ tiêu Cán bộ, công chức được trang bị máy tính, kết nối Internet, được cấp hộp thư điện tử công vụ; Các phần mềm dùng chung của tỉnh được đầu tư nâng cấp (quản lý văn bản, báo cáo trực tuyến, quản lý nhân sự, số hóa tài liệu...); Trang TTĐT của các sở, ngành, UBND cấp huyện được tích hợp kết nối trên Cổng TTĐT của tỉnh; Các sở ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có cán bộ được phân công phụ trách lĩnh vực CNTT.

⁴ Còn 02 xã là Tân Trạch, Thượng Trạch của huyện Bố Trạch (chưa bảo đảm chất lượng).

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) tiếp tục được duy trì, hoạt động hiệu quả; đã thực hiện kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tỉnh trong việc gửi, nhận văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến, thông tin báo cáo, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, thủ tục hành chính, công báo điện tử... và đã thực hiện kết nối, liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, Trục liên thông văn bản quốc gia. Mô hình Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh, cấp huyện tiếp tục được nghiên cứu, triển khai thử nghiệm và xây dựng⁵. Tại thành phố Đồng Hới đã triển khai hệ thống Wifi công cộng với 75 bộ phát sóng/26 điểm công cộng, điểm du lịch; hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông được lắp đặt tại nhiều xã, phường trên địa bàn.

Toàn tỉnh, có 100% trung tâm xã, phường, thị trấn có kết nối cáp quang Internet băng thông rộng; trên 80% khu vực dân cư có mạng 3G, 4G phủ sóng; 62,2% điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định; 67,69% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; 79,07% hộ gia đình có người có điện thoại thông minh; 59,21% hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang...

Việc xây dựng các thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến được quan tâm triển khai thực hiện. Hiện nay, có 1.873 thủ tục hành chính được công khai; 905 DVCTT mức độ 3, 4 được cung cấp, đạt 81,8% số TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT mức độ 3, 4 (905/1.106), trong đó tích hợp thành công 624/773 DVCTT do tỉnh xây dựng lên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 80,7%.

Nhìn chung, hạ tầng CNTT dùng chung hiện nay của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được nâng cấp, phục vụ việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hiệu quả, an toàn, thông suốt. Hạ tầng kỹ thuật được vận hành ổn định; trang thiết bị thiết yếu phục vụ hệ thống giao ban trực tuyến được đầu tư, nâng cấp; các thiết bị phần cứng, phần mềm cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin.

2.3. Tổ chức bộ máy, nhân lực làm công tác quản lý Nhà nước về CNTT

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 06 cơ quan nhà nước cấp tỉnh có đơn vị chuyên trách CNTT; 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm CNTT, trong đó có 100% cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có trình độ cao đẳng CNTT trở lên, 98% cán bộ, công chức đã qua các khóa đào tạo tin học cơ bản, 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh sử dụng máy tính thường xuyên cho công việc.

⁵ Thành phố Đồng Hới đã đưa vào sử dụng, thị xã Ba Đồn đang xây dựng.

Trong các cơ quan nhà nước của tỉnh có 35 công chức chuyên trách về chuyển đổi số⁶; 170 công chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số⁷; 30 viên chức chuyên trách về chuyển đổi số⁸; 34 viên chức, hợp đồng bán chuyên trách về chuyển đổi số⁹. Số cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh là 75 người¹⁰.

Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh và phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cơ bản và nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT, các lớp quản trị mạng, khai thác Internet và khai thác sử dụng các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh. Tổ chức các lớp tập huấn dành cho cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương phụ trách lĩnh vực CNTT, chuyển đổi số, qua đó đã giúp tiếp cận và cập nhật các kiến thức về Chính phủ điện tử/chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh, an toàn thông tin mạng...

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực CNTT cơ bản được đào tạo, có năng lực trình độ và tâm huyết với lĩnh vực công tác được giao. Ban Chỉ đạo CNTT từ tỉnh đến huyện được kiện toàn, hoạt động đi vào nề nếp góp phần tham mưu, đôn đốc, thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước.

2.4. Việc triển khai các dự án quy hoạch phát triển công nghệ thông tin Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 đến thời điểm giám sát

⁶ Sở TT&TT là 07; Văn phòng UBND tỉnh là 04 (Phòng KSTTHC); tại 08 UBND cấp huyện là 24 (Phòng VH&TT 02/ mỗi huyện và Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện 01/mỗi huyện).

⁷ 19/21 sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh bố trí công chức kiêm nhiệm tham mưu về CDS. 151/151 UBND cấp xã giao nhiệm vụ cho công chức Văn phòng - Thống kê hoặc công chức Văn hóa - LĐTĐ kiêm nhiệm tham mưu về ứng dụng CNTT, CDS.

⁸ Trung tâm CNTT&TT thuộc Sở TT&TT: 11; Trung tâm Tin học - Công báo thuộc Văn phòng UBND tỉnh: 05; Trung tâm Hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh: 03; Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công thuộc Sở Tài chính: 03; Trung tâm CNTT TN&MT thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: 05; Trung tâm Ứng dụng và Thống kê KH&CN thuộc Sở Khoa học và Công nghệ: 02; Trung tâm Tư vấn, xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư: 01; Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch thuộc Sở Du lịch: 01.

⁹ Các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc UBND tỉnh: 03; các Trường THPT thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 31.

¹⁰ Thống kê cuối năm 2021 và đến thời điểm hiện tại, trong hệ thống cơ quan nhà nước tỉnh:

- Số lượng công chức chuyên trách về ATTT là 03 người (Sở TT&TT).
- Số lượng công chức bán chuyên trách về ATTT (kiêm nhiệm) là 27 người (thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố).
- Số lượng viên chức, hợp đồng chuyên trách về ATTT là 09 người (Trung tâm CNTT&TT thuộc Sở TT&TT: 02; Trung tâm Tin học - Công báo thuộc Văn phòng UBND tỉnh: 01; Trung tâm CNTT TN&MT thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: 01; Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công thuộc Sở Tài chính: 01; Trung tâm Ứng dụng và Thống kê KH&CN thuộc Sở Khoa học và Công nghệ: 01; các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc UBND tỉnh: 03).
- Số lượng viên chức, hợp đồng bán chuyên trách về ATTT (kiêm nhiệm): 36 người, gồm: 05 viên chức, nhân viên các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh (Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quỹ Phát triển đất, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, Ban Quản lý Dự án phát triển nông thôn bền vững - SRDP, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh) và 31 viên chức của 31 Trường Trung học Phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm về ATTT.

Trong giai đoạn 2017 - 2022, kinh phí bố trí cho triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 và liên quan là 144.529.321.000 đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 42.553.354.000 đồng, ngân sách tỉnh 95.849.467.000 đồng, xã hội hóa 6.126.500.000 đồng, trong đó:

Các dự án giao cho Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tập trung vào việc triển khai, nâng cấp các hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung cho các đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh, thực hiện mục tiêu xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trong hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước, cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp. Thông qua việc triển khai thực hiện 20 dự án, nhiệm vụ, hạ tầng và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được cải thiện đáng kể, thống nhất, đồng bộ trong toàn tỉnh và kết nối liên thông với Trung ương.

Các dự án chuyên ngành giao cho các sở, ngành, đơn vị khác tổ chức triển khai thực hiện cũng đã góp phần quan trọng trong đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các ngành, lĩnh vực chuyên ngành: Sở Tài chính đã đầu tư, trang bị phần mềm quản lý tài sản công trực tuyến cho các đơn vị HCSN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; xây dựng CSDL về giá tại tỉnh Quảng Bình - Trao đổi dữ liệu với CSDL Quốc gia về giá; trang bị phần mềm theo dõi dự toán thu chi và quyết toán NSNN từ Tabmis cho các đơn vị HCSN cấp tỉnh và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, kết nối với phần mềm “Điều hành và quyết toán ngân sách phiên bản Web” đảm bảo tính đồng bộ thống nhất. Văn phòng Tỉnh ủy triển khai xây dựng Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh và Phần mềm gửi nhận văn bản trên mạng Internet; nâng cấp, trang bị mới thiết bị CNTT trong khối đảng, đoàn thể, mặt trận tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh triển khai cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm Hành chính công đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao...

Ngoài các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND, năm 2021 UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương nhằm xây dựng, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh, hướng đến đảm bảo nhu cầu phát triển chính quyền điện tử, phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết về các dự án, nhiệm vụ của Quy hoạch: Phụ lục 01 kèm theo)

Nhìn chung, việc tổ chức triển khai thực hiện các dự án tuân thủ các văn bản quy định của pháp luật, các hướng dẫn có liên quan; các dự án cơ bản triển khai đảm bảo đúng tiến độ và bước đầu đạt được một số kết quả tích cực.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Việc chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND và các chương trình, dự án về CNTT đã giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị; thông tin chỉ đạo, điều hành chính xác, kịp thời; tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc cung cấp các dịch vụ công đến người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy cải cách hành chính, giảm quan liêu, nhũng nhiễu, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với người thi hành công vụ, tạo điều kiện phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày một tốt hơn.

- Thông qua việc triển khai các đề án, dự án, kế hoạch về CNTT, kết hợp với việc thực thi các giải pháp về xây dựng môi trường chính sách, xây dựng nguồn nhân lực, tổ chức triển khai, tài chính, tuyên truyền phổ biến,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ứng dụng CNTT phát triển mạnh. Hạ tầng CNTT tiếp tục được quan tâm đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai một số phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Môi trường và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được cải tiến theo hướng hiện đại; năng suất, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được cải thiện; mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao. Chính quyền điện tử từng bước được hình thành, phù hợp với bối cảnh phát triển của tỉnh và định hướng phát triển Chính phủ điện tử, cơ bản đảm bảo thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương và người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT và chuyển đổi số dẫn đến còn một bộ phận cán bộ chưa nhận thức được hết tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT, tự học tập để rèn luyện kỹ năng ứng dụng CNTT vào thực hiện nhiệm vụ; chưa chủ động trong việc khai thác, sử dụng các hệ thống ứng dụng CNTT đã đầu tư.

- Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ trực tuyến chưa cao; tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 chỉ đạt 81,8%; tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến trên tổng số hồ sơ TTHC toàn tỉnh còn thấp, chỉ đạt 20%. Việc chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và xã hội còn chậm. Sự phối hợp giữa cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa với các phòng chuyên môn trong giải quyết hồ sơ chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng hồ sơ giấy đã hoàn thành, nhưng quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm còn chậm,

chưa đồng bộ. Tiến độ xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và triển khai cung cấp dịch vụ đô thị thông minh còn chậm.

- Một số cơ quan, đơn vị vẫn còn thiếu máy tính, thiết bị CNTT; nhiều thiết bị được trang cấp cho cán bộ, công chức trước đây nay đã xuống cấp, lạc hậu, hiệu năng sử dụng thấp. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh hiện đang trong tình trạng quá tải về năng lực xử lý và lưu trữ; nếu không kịp thời hoàn thành đầu tư nâng cấp sẽ không bảo đảm đáp ứng triển khai, vận hành các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của chính quyền điện tử/chính quyền số, đô thị thông minh của tỉnh.

- Hạ tầng mạng kết nối Internet băng rộng tại một số địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa chưa được phủ toàn diện hoặc chưa bảo đảm chất lượng. Hoàn cảnh kinh tế của một bộ phận người dân, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo còn rất khó khăn, chưa có điều kiện sở hữu, sử dụng thiết bị máy tính, điện thoại thông minh và kết nối Internet băng rộng để tiếp cận công nghệ, dịch vụ số, nâng cao kiến thức, kỹ năng số. Vì vậy, một số nội dung triển khai ứng dụng CNTT trong xây dựng nông thôn mới khó đạt chỉ tiêu đề ra, như số khám sức khỏe điện tử, tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa ...

- Cán bộ chuyên trách, phụ trách về CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hiện nay còn thiếu, trình độ không đồng đều, chủ yếu là kiêm nhiệm nên ảnh hưởng rất lớn đến công tác triển khai ứng dụng CNTT và thực hiện quản lý nhà nước tại địa phương; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút người giỏi về CNTT vào làm việc trong cơ quan nhà nước nên công tác tham mưu, đề xuất giải pháp ứng dụng và phát triển CNTT còn nhiều hạn chế.

- Chưa quan tâm bố trí kinh phí cho các sở, ban, ngành, địa phương để thực hiện việc chuyển đổi số và phát triển CNTT. Một số nội dung dự án ứng dụng CNTT trọng điểm trong Quy hoạch phát triển CNTT chưa được thực hiện đầy đủ, đồng bộ hoặc vẫn chưa thể triển khai do thiếu nguồn lực tài chính. Tỉnh còn thiếu cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển, ứng dụng CNTT. Nguồn kinh phí đầu tư mua sắm, trang bị và duy trì các phần mềm dùng chung, hệ thống máy móc, công nghệ bảo quản, sao lưu dữ liệu và lưu trữ số... còn hạn chế.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo điều hành và phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh.

- Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát, đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin của đơn vị mình để làm căn cứ ưu tiên nguồn lực đầu tư, nâng cấp hạ

tầng CNTT. Đảm bảo cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ có đủ máy tính để phục vụ công việc; duy trì bảo dưỡng, khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng thông tin đã được đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan, địa phương; gắn ứng dụng CNTT với chỉ tiêu thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhất là các dịch vụ sử dụng còn thấp. Có cơ chế bắt buộc 100% cơ quan Nhà nước phải thực hiện các dịch vụ công trực tuyến khi giải quyết công việc với người dân và doanh nghiệp.

- Có cơ chế, chính sách để thu hút người giỏi về công nghệ thông tin vào làm việc trong cơ quan nhà nước, nhất là tại các cơ quan chuyên trách.

- Quan tâm bố trí kinh phí cho các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện việc chuyển đổi số và phát triển CNTT; chỉ đạo thực hiện dự án chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm mục tiêu và tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ đạo người đứng đầu các cấp, các ngành, địa phương phải chịu trách nhiệm trực tiếp về phát triển, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, an toàn, an ninh thông tin trong cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách; gương mẫu đi đầu trong ứng dụng CNTT vào công tác chỉ đạo, điều hành, tạo bước chuyển biến về lề lối, phương thức làm việc.

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan tham mưu cơ chế đầu tư nguồn lực và huy động xã hội hóa cho các chương trình, dự án về công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với Sở Thông tin và Truyền Thông

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT theo hướng dẫn của Trung ương và các đề án, nghị quyết, kế hoạch của tỉnh đã đề ra từ nay đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Triển khai hiệu quả các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì tham mưu rà soát điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách thuộc lĩnh vực ngành tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, toàn diện cho việc đẩy mạnh phát triển, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, chính quyền số, đô thị thông minh; kiến tạo môi trường phát triển cho doanh nghiệp công nghệ số, hỗ trợ hiệu quả, tạo lập thị trường năng động cho doanh nghiệp công nghệ số.

- Tăng cường mở các lớp tập huấn nhằm nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin và hướng dẫn sử dụng phần mềm ứng dụng cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân. Có cơ chế mời chuyên gia

để tổ chức các hội nghị triển khai, giới thiệu những mô hình, cách làm hiệu quả trong việc ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước.

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Đầu tư, nâng cấp các dịch vụ công trực tuyến để người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, sử dụng.

- Chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nghệ thông tin đạt chuẩn theo quy định.

- Dành nguồn lực và huy động nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số và các dự án về công nghệ thông tin tại địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh về “Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035”./. *Lenh*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐ và các thành viên Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư,
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; Phòng CTHĐND.

TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN



Lê Văn Bảo



PHỤ LỤC

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CỦA QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TỈNH QUẢNG BÌNH ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

(Kèm theo Báo cáo số 299/BC-VHXH ngày 07/12/2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian triển khai thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đã thực hiện giai đoạn 2017-2022 (Nghìn đồng)				Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
Giai đoạn 2017-2025									
1	Đầu tư nâng cấp, triển khai nhân rộng phần mềm Một cửa liên thông và dịch vụ hành chính công tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2017	2018	8,114,000		5,614,000	2,500,000	
2	Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2018	2019	600,000		600,000		
3	Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2018	2020	693,206		693,206		
4	Nâng cấp hệ thống Cổng/ Trang thông tin điện tử và triển khai trang thông tin điện tử cấp xã	Sở TT&TT	2019	2020	2,981,789		2,981,789		
5	Đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu điện tử và Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ	Sở TT&TT	2019	2021	4,576,000		4,576,000		

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian triển khai thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đã thực hiện giai đoạn 2017-2022 (Nghìn đồng)				Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
6	Nâng cấp, phát triển mạng diện rộng (WAN) của tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng và phòng chống mã độc tập trung	Sở TT&TT	2022	2024	2,100,000		2,100,000		
7	Xây dựng Hệ thống thông tin kinh tế, xã hội tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2018	2019	2,798,000		2,798,000		
8	Nâng cấp, triển khai nhân rộng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT			0				Chưa triển khai, dự kiến sẽ tích hợp vào Dự án Chuyển đổi số, chính quyền điện tử và ĐTTM tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 (pha 2)
9	Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung tỉnh Quảng Bình (LGSP)	Sở TT&TT			0				
10	Đầu tư triển khai các ứng dụng, tác nghiệp dùng chung	Sở TT&TT							
	Nâng cấp và triển khai nhân rộng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2020	2020	2,474,893		2,474,893		

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian triển khai thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đã thực hiện giai đoạn 2017-2022 (Nghìn đồng)				Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
	Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý công tác thanh tra tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2019	2019	200,000		200,000		
	Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2020	2021	4,595,535		1,595,535	3,000,000	
	Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý nhân sự tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2018	2019	600,000		600,000		
	Nâng cấp hệ thống phần mềm báo cáo trực tuyến	Sở TT&TT	2019	2019	298,500		298,500		
	Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công; tạo lập, xây dựng CSDL về KTXH, hệ thống thông tin địa lý dùng chung	Sở TT&TT	2018	2020	7,434,354	7,434,354			
	Xây dựng phân hệ chức năng Kho quản lý dữ liệu điện tử trên Công dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Quyết định số 468/QĐ-TTg	Sở TT&TT	2022	2023	1,600,000		1,600,000		
	Triển khai thí điểm một số dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2020	2022	3,600,000		3,600,000		
	Dự án Chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 (pha 1)	Sở TT&TT	2022	2023	33,600,000	33,600,000			Khởi công năm 2022, dự kiến giải

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian triển khai thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đã thực hiện giai đoạn 2017-2022 (Nghìn đồng)				Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
									ngân trong năm 2022
11	Đầu tư nâng cấp phần mềm kế toán tài chính; quản lý cơ sở vật chất và tài sản								
	<i>Trang bị phần mềm quản lý Tài sản công trực tuyến cho các đơn vị HCSN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình</i>	<i>Sở Tài chính</i>	<i>2017</i>	<i>2017</i>	<i>9,700,000</i>		<i>9,700,000</i>		
	<i>Xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá tại tỉnh Quảng Bình</i>	<i>Sở Tài chính</i>	<i>2019</i>	<i>2020</i>	<i>2,929,700</i>		<i>2,929,700</i>		
	<i>Trang bị phần mềm theo dõi dự toán thu chi và quyết toán NSNN từ Tabmis cho các đơn vị HCSN cấp tỉnh và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình</i>	<i>Trung tâm Tin học và Dịch vụ Tài chính công</i>	<i>2020</i>	<i>2022</i>	<i>7,523,000</i>		<i>7,523,000</i>		
12	Xây dựng, nâng cấp các phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong cơ quan Đảng, đoàn thể, Nhà nước								
	<i>Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Bình</i>	<i>Sở Tư pháp</i>	<i>2022</i>	<i>2024</i>	<i>1,350,000</i>		<i>1,350,000</i>		<i>Khởi công năm 2022, dự kiến giải ngân trong năm 2022</i>

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian triển khai thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đã thực hiện giai đoạn 2017-2022 (Nghìn đồng)				Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
	Nâng cấp, triển khai nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Sở Nội vụ	2022	2024	1,350,000		1,350,000		Khởi công năm 2022, dự kiến giải ngân trong năm 2022
	Xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng	2022	2024	1,350,000		1,350,000		Khởi công năm 2022, dự kiến giải ngân trong năm 2022
	Cài tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống dữ liệu công tác dân tộc	Ban Dân tộc	2022	2024	2,400,000		2,400,000		Khởi công năm 2022, dự kiến giải ngân trong năm 2022
	Ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	2022	2024	6,000,000		6,000,000		Khởi công năm 2022, dự kiến giải ngân trong năm 2022
13	Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin Trung tâm hành chính công	Văn phòng UBND tỉnh	2017	2021	4,500,000		4,500,000		

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian triển khai thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đã thực hiện giai đoạn 2017-2022 (Nghìn đồng)				Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
14	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước								
	<i>Phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, mặt trận, đoàn thể tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017 - 2020</i>	<i>Văn phòng Tỉnh ủy</i>	2017	2018	5,933,865		5,933,865		
	<i>Đầu tư nâng cấp hạ tầng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình năm 2020</i>	<i>Sở TT&TT</i>	2019	2021	6,300,000		6,300,000		
	<i>Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình</i>	<i>Đài PT&TT tỉnh</i>	2022	2024	7,500,000		7,500,000		<i>Khởi công năm 2022, dự kiến giải ngân trong năm 2022</i>
15	Xây dựng hệ thống Hội nghị trực tuyến từ tỉnh đến cấp huyện	Sở TT&TT	2019	2020	2,950,049		2,950,049		
16	Đầu tư phát triển thương mại điện tử	Sở Công thương	2017	2022	6,345,500	1,519,000	4,200,000	626,500	
17	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở TT&TT	2017	2017	45,000		45,000		Sử dụng kinh phí chi thường xuyên của Sở TT&TT

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian triển khai thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đã thực hiện giai đoạn 2017-2022 (Nghìn đồng)				Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
18	Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức								
	<i>Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức</i>	<i>Sở TT&TT</i>	<i>2017</i>	<i>2022</i>	<i>673,930</i>		<i>673,930</i>		
	<i>Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức</i>	<i>Trung tâm CNTT&TT</i>	<i>2017</i>	<i>2022</i>	<i>1,412,000</i>		<i>1,412,000</i>		
Tổng cộng					144,529,321	42,553,354	95,849,467	6,126,500	